CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 6 **Số 68 (15/6/2009)**

MỤC LỤC

Ngày ban hành		Trích yếu nội dung	Trang
		ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ	
03-6-2009	-	Quyết định số 2729/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu giáo dục - đào tạo đại học, phường Long Phước, quận 9.	3
05-6-2009	-	Quyết định số 39/2009/QĐ-UBND ban hành Quy định về hoạt động quảng cáo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	8
		ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3	
21-5-2009	-	Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 3.	20
26-5-2009	-	Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND về thành lập Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 3 thuộc Ủy ban nhân dân quận 3.	30
		ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH	
21-5-2009	-	Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân	32

Bình.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

04-6-2009 - Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện thực hiện Chương trình hành động của Huyện ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X. 43

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2729/QĐ-UBND	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 6 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH

Về duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu giáo dục - đào tạo đại học, phường Long Phước, quận 9

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 9;

Căn cứ Quyết định số 3605/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Cù lao Long Phước, quận 9;

Xét Tờ trình số 1170/TTr-SQHKT ngày 07 tháng 5 năm 2008 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 "Khu giáo dục - đào tạo đại học" tại phường Long Phước, quận 9 với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí và quy mô nghiên cứu:

+ Về vị trí: khu quy hoạch nằm phía Đông sông Tắc thuộc địa bàn phường Long Phước, quận 9. Các mặt giáp giới như sau:

- Phía Đông: giáp đường Long Phước.

- Phía Tây: giáp sông Tắc.

- Phía Nam: giáp tuyến đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây.

- Phía Bắc: giáp khu phức hợp và dự án tái định cư Trường Đại học Kinh tế.

+ Về quy mô: tổng diện tích khu đất là 172,92ha. Trong đó phần diện tích nghiên cứu lập quy hoạch khu đại học là 160ha. Phần diện tích 12,92ha đất dân cư hiện hữu chuyển lên đặt tiếp giáp với khu đất tái định cư Trường Đại học Kinh tế, nghiên cứu quy hoạch thành một khu phức hợp phục vụ toàn khu và cách ly với khu đại học bằng một tuyến đường giao thông cấp khu vực.

2. Về cơ cấu quy hoạch phân khu chức năng trong phần diện tích 160ha khu đại học tập trung:

+ Trong khu đại học tập trung có các khu chức năng chính như:

a) Khu vực đào tạo giảng dạy học tập của các trường, các khu học tập được bố trí riêng để phù hợp với mô hình đào tạo của mỗi trường.

b) Khu vực bố trí các công trình về điều hành như trung tâm dịch vụ, nghiên cứu khoa học, hội nghị - hội thảo, thông tin, thư viện…

c) Khu công viên cây xanh - thể dục thể thao.

Trong đó:

- Khu (b) và (c) là khu vực có tính chất phục vụ chung cho các trường.

Ký túc xá sinh viên, nhà ở cho cán bộ giảng viên thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Thông báo số 311/TB-VP ngày 13 tháng 5 năm 2009 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

+ Cơ cấu quy hoạch: cần được nghiên cứu tổ chức cho tối đa 4 đến 6 trường đại học - cao đẳng bố trí trong khu vực này, trên cơ sở nhu cầu phát triển của từng trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thống nhất phê duyệt.

3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu cho khu giáo dục - đào tạo đại học tập trung:

+ Quy mô sinh viên dự kiến : 30.000 - 32.000 sinh viên.

+ Quy mô cán bộ giảng dạy : 5.000 - 6.000 người.

+ Diện tích khu đất quy hoạch: 160ha dự kiến phân bổ như sau:

- Đất xây dựng các trường đại học : 56 - 60%

- Đất giao thông : 13 - 16%

- Đất cây xanh - mặt nước : 26 - 28%

+ Chỉ tiêu đất sử dụng chung: 48,0 - 50,0 m^2/sinh viên, trong đó:

- Khu vực học tập : 25 - 40 m^2/sinh viên

- Khu thể dục thể thao : 8 - 10 m^2/ sinh viên

+ Mật độ xây dựng toàn khu : 30 - 35%

+ Tầng cao xây dựng : 2,0 tầng - 6,0 tầng

+ Hệ số sử dụng đất : 0,70 - 1,8 lần

+ Chỉ tiêu cấp điện : 1.500 - 1.800 kWh/người/năm

+ Chỉ tiêu cấp nước : 180 lít/người/ngày-đêm

+ Chuẩn bị kỹ thuật: cao độ nền xây dựng ≥ 2 m (cao độ Hòn Dấu)

+ Giao thông:

- Đường giao thông khu vực giữa các trường lộ giới: 16m và 20m

- Đường nội bộ lộ giới: 12m.

4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị:

a) Giao thông:

- Dự án đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây có lộ giới 140m và dự án đường Long Phước có lộ giới 60m.

- Bố trí các tuyến giao thông khu vực có lộ giới 16 - 20m nối kết các khu trường đại học nhằm tạo điều kiện phát triển đồng bộ, đồng thời nối kết vào các tuyến giao thông đối ngoại nêu trên. Tổ chức các hướng ra vào khu vực hợp lý kết nối với các khu chức năng quan trọng của cả Cù lao Long Phước.

- Giao thông đối nội được tổ chức phù hợp với chức năng sử dụng đất và địa hình đặc trưng của khu vực.

- Tổ chức các bến xe và bãi đậu xe có quy mô phù hợp với các cụm chức năng.

b) Quy hoạch chiều cao và thoát nước mưa:

- Hướng thoát nước mặt chính ra sông Tắc và rạch nhỏ nội khu.

- Tổ chức nghiên cứu bố trí thêm diện tích hồ - mặt nước tối thiểu là 1,2 lần diện tích mặt nước hiện hữu, tạo cảnh quan và phục vụ tiêu thoát nước trên cơ sở hệ thống kênh rạch hiện hữu.

- Cải tạo nạo vét các kênh hiện hữu để tiêu thoát nước và cảnh quan cho khu vực.

c) Quy hoạch cấp điện:

- Khu vực được cung cấp điện từ trạm 110/22kV Thủ Đức Đông.

- Tổ chức mạng cáp ngầm cho các công trình xây dựng trong khu vực quy hoạch.

- Các tuyến điện chính sẽ đi theo các trục lộ giao thông chính và các tuyến giao thông xây dựng mới theo quy hoạch.

d) Quy hoạch cấp nước:

+ Các chỉ tiêu cấp nước:

- Nước sinh hoạt: 200 lít/người/ngày-đêm.

- Nước dịch vụ công cộng: 20 lít/người/ngày-đêm.

+ Phương án quy hoạch cấp nước:

Khu vực sẽ được cung cấp nước từ tuyến ∅375 trên tuyến đường Long Phước, từ Nhà máy nước Thủ Đức.

đ) Quy hoạch thoát nước bẩn:

* Chỉ tiêu: Tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt : 200 lít/người/ngày-đêm

Tiêu chuẩn rác thải : 1,0 kg/người/ngày-đêm.

5. Các vấn đề cần lưu ý khi triển khai đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000:

- Trên cơ sở phương án bố cục cho khu đại học tập trung 160ha như đề xuất của Sở Quy hoạch - Kiến trúc, giao Ủy ban nhân dân quận 9 xác định ranh đất 160ha dành cho khu đại học tập trung.

- Phần diện tích 12,92ha đất dân cư hiện hữu: bố trí xây dựng tập trung giáp với khu đất tái định cư Trường Đại học Kinh tế, chuyển sang chức năng phức hợp, bao gồm nhà ở và các công trình dịch vụ thương mại, trường học, y tế, thể dục thể thao, công viên cây xanh..., cách ly với khu đại học bằng tuyến đường giao thông cấp khu vực.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 "Khu giáo dục - đào tạo đại học" tại phường Long Phước, quận 9 được duyệt, giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc phối hợp với Ủy ban nhân dân quận 9 và các Sở, ban, ngành thành phố nghiên cứu, thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 và ban hành Quy định về quản lý quy hoạch nhằm thực thi các dự án xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 9 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 39/2009/QĐ-UBND	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 6 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về hoạt động quảng cáo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Quảng cáo ngày 16 tháng 11 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 24/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Quảng cáo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2007/TTLT-BVHTT-BYT-BNN-BXD ngày 28 tháng 02 năm 2007 của Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép thực hiện quảng cáo một cửa liên thông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 85/2008/TTLT-BVHTTDL-BTTTT ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về cấp phép, đăng ký, thực hiện quảng cáo trên báo chí, mạng thông tin máy tính, xuất bản phẩm và công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 1256/STP-VB ngày 08 tháng 5 năm 2009; đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 1838/TTr-SVHTTDL ngày 14 tháng 5 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động quảng cáo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 108/2002/QĐ-UB ngày 25 tháng 9 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về hoạt động quảng cáo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân hoạt động quảng cáo trên địa bàn thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thu Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về hoạt động quảng cáo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2009/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về hoạt động quảng cáo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về quảng cáo; đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài (gọi chung là tổ chức, cá nhân) có liên quan đến hoạt động quảng cáo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quảng cáo trên các phương tiện quảng cáo như dù che, xe đẩy, thùng hàng, mái hiên, dây cờ, quần áo, mũ, túi xách, tặng phẩm, bao bì không phải xin phép nhưng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quảng cáo và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Hình thức, phương tiện quảng cáo

1. Quảng cáo ngoài trời gồm: pa-nô, hộp đèn, băng-rôn, trụ đèn, trạm dừng, nhà chờ xe buýt, trụ điện thoại, nhà thi đấu thể dục thể thao, sân vận động, màn hình điện tử và các loại hình quảng cáo ngoài trời cố định và di động khác.

2. Quảng cáo trên các vật thể trên không, trên bộ, dưới nước, người chào hàng giới thiệu sản phẩm, nhãn hiệu hàng hóa; chương trình hoạt động văn hóa nghệ thuật, lễ hội, thi đấu thể thao; chương trình quảng bá sự kiện kinh tế - xã hội.

3. Quảng cáo trên báo chí gồm báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử; mạng thông tin máy tính; xuất bản phẩm gồm: phim, ảnh, băng hình, đĩa hình, băng âm thanh, đĩa âm thanh.

4. Quảng cáo trên hàng hóa.

5. Quảng cáo trên các phương tiện quảng cáo khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Những nguyên tắc chung trong hoạt động quảng cáo

1. Việc cấp phép thực hiện quảng cáo phải dựa vào cơ sở quy hoạch quảng cáo trên địa bàn thành phố đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

2. Chỉ được thực hiện hoạt động quảng cáo khi có giấy phép của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quảng cáo trên báo chí, mạng thông tin máy tính, xuất bản phẩm thì thực hiện theo quy định của Thông tư liên tịch số 85/2008/TTLT-BVHTTDL-BTTTT ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về cấp phép, đăng ký, thực hiện quảng cáo trên báo chí, mạng thông tin máy tính, xuất bản phẩm và công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm.

3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ quảng cáo ở các tỉnh, thành phố khác hoặc do Trung ương quản lý muốn hoạt động quảng cáo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh phải có giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

4. Tổ chức, cá nhân thực hiện quảng cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với mọi sự cố do phương tiện quảng cáo không an toàn của mình gây ra.

Điều 4. Những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động quảng cáo

1. Quảng cáo làm tiết lộ bí mật Nhà nước, phương hại đến độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội và quan hệ quốc tế.

2. Quảng cáo trái với truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam.

3. Sử dụng Quốc kỳ, Đảng kỳ, Quốc huy, Quốc ca hoặc giai điệu Quốc ca; hình ảnh lãnh tụ, người lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam; hình ảnh đồng tiền Việt Nam; hình ảnh biển báo giao thông; danh xưng cơ quan Đảng, chính quyền (Ban Chấp hành Đảng bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân…) để quảng cáo.

4. Quảng cáo gian dối, không trung thực, không đúng chất lượng hàng hóa, dịch vụ; không đúng địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

5. Quảng cáo làm ảnh hưởng xấu đến mỹ quan đô thị, cảnh quan, môi trường và trật tự an toàn giao thông như: quảng cáo hạn chế tầm nhìn của người tham gia giao thông; dùng các loại phương tiện giao thông chở người, mô hình sản phẩm, biển, bảng diễu hành trên đường phố; dùng hình ảnh sản phẩm minh họa quảng cáo, ma-nơ-canh trưng bày quần, áo lót, băng vệ sinh, tã lót ở nơi công cộng hoặc mặt tiền nơi sản xuất, kinh doanh.

6. Lợi dụng quảng cáo để xúc phạm danh dự, uy tín hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

7. Quảng cáo sản phẩm hàng hóa chưa được phép lưu thông, dịch vụ chưa được phép thực hiện tại thời điểm quảng cáo.

8. Đăng hoặc đóng kèm ở trang bìa một của báo in, phát ngay sau nhạc hiệu, hình hiệu của đài phát thanh, đài truyền hình.

9. Quảng cáo cho báo chí, tác phẩm, chương trình nghệ thuật chưa được phép phát hành hoặc công diễn.

10. Quảng cáo sản phẩm không phù hợp với việc học tập, giảng dạy trên sách giáo khoa, tập, vở học sinh.

11. Quảng cáo rao vặt bằng hình thức in, sơn, vẽ, treo, dán trực tiếp lên tường nhà, tường rào, gốc cây, trụ điện, trụ đèn chiếu sáng.

12. Dùng âm thanh gây tiếng ồn quá độ ồn cho phép theo tiêu chuẩn Việt Nam.

13. Tán phát các loại tờ gấp, tờ rơi quảng cáo ngoài đường, nơi công cộng không phải là nơi bán, trưng bày và giới thiệu sản phẩm hoặc tại những vị trí đã được quy hoạch.

14. Quảng cáo bằng băng-rôn, pa-nô phục vụ cho các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội khi chưa có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố.

15. Treo băng-rôn, pa-nô phục vụ chương trình hội nghị, hội thảo, khai trương, khai giảng, họp báo, khánh thành, phát thưởng, kỷ niệm ngày thành lập, giới thiệu dịch vụ, sản phẩm… tại địa điểm khác ngoài địa điểm được phép kinh doanh, tổ chức.

16. Quảng cáo hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật cấm kinh doanh hoặc cấm quảng cáo.

Chương II
MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Vị trí, địa điểm, khu vực cấm hoạt động quảng cáo

1. Nơi đặt tượng đài, bia tưởng niệm; nơi dành riêng cho việc cổ động chính trị; nơi niêm yết các văn bản của Nhà nước; trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức xã hội, cơ quan ngoại giao; bảo tàng, di tích lịch sử, khu đặt bia tưởng niệm, đình, đền, chùa, nhà thờ, thánh thất, khu quân sự, nghĩa trang, mặt đường.

2. Bảng quảng cáo thương mại đặt tại trường học, bệnh viện.

3. Quảng cáo ngoài trời bằng pa-nô và các hình thức quảng cáo khác đặt trên, che kín nóc chợ, nóc nhà, nóc cao ốc, các công trình kiến trúc khác; tại vòng xoay, giao lộ, đầu cầu; đặt trước, đặt phía trên che khuất các quảng cáo khác đã có trước.

4. Phương tiện quảng cáo giăng, mắc ngang qua đường giao thông, hành lang an toàn giao thông, giao lộ không đồng mức; trên dải phân cách làm che khuất tầm nhìn của người tham gia giao thông; tại vị trí che khuất biển báo hiệu, đèn tín hiệu giao thông; trên đê bao; trong phạm vi an toàn lưới điện, an toàn phòng cháy, chữa cháy, trật tự, an toàn xã hội khác.

5. Quảng cáo trên các mặt bên ngoài phương tiện giao thông, phương tiện vận tải.

Điều 6. Điều kiện, kích thước phương tiện quảng cáo

1. Đối với bảng quảng cáo:

a) Bảng quảng cáo đặt trên xa lộ: khoảng cách mỗi bảng từ 500m trở lên, đặt trên đất trống, cách nhà chung quanh trên 20m, hình thức thể hiện bằng 1 hoặc 2 chân trụ tròn. Chiều cao tối đa mỗi bảng không quá 20m kể cả chân trụ, mặt bảng cao tối đa 6m, ngang tối đa 16m.

b) Bảng quảng cáo có diện tích trên 40m^2 phải có văn bản thỏa thuận xây dựng của Sở Xây dựng.

c) Bảng ốp tường tại các cao ốc phải được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt vị trí.

2. Đối với trụ hộp đèn đặt trên lề đường:

a) Chỉ đặt trụ hộp đèn tại những tuyến đường có chiều ngang từ 25m trở lên, lề đường rộng trên 5m, mỗi trụ cách nhau từ 200m trở lên. Mép ngoài hộp đèn đặt cách mép lề đường từ 0,5m trở vô; trụ hộp đèn đặt cách giao lộ trên 20m.

b) Kích thước các trụ hộp đèn: chiều cao tối đa từ chân đến đỉnh trụ là 5m (kể cả phần hộp đèn), hộp đèn ngang 2,5m x 1,2m, hộp đèn đứng 1,8m x 1,2m. Mặt dưới hộp đèn cách mặt đất tối thiểu 3m.

3. Kích thước hộp đèn, bảng quảng cáo treo gắn tại các cửa hàng kinh doanh được quy định như sau:

a) Nhà có chiều ngang mặt tiền từ 4m trở xuống: diện tích bảng, hộp đèn, bảng quảng cáo không vượt quá 5m^2.

b) Nhà có chiều ngang mặt tiền trên 4m đến 8m: diện tích bảng, hộp đèn, bảng quảng cáo không vượt quá 10m^2.

c) Nhà có chiều ngang mặt tiền trên 8m: diện tích bảng, hộp đèn, bảng quảng cáo không vượt quá 20m^2, chiều cao tối đa 2,5m.

d) Đối với hộp đèn dựng đứng: chiều ngang tối đa 1m, chiều cao tối đa 6m; không vi phạm chỉ giới xây dựng.

4. Đối với màn hình điện tử, ti vi:

a) Độ phát sáng không ảnh hưởng đến người tham gia giao thông, phải có ý kiến thẩm định của Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Không được phát hình từ 0 giờ đến 06 giờ sáng.

c) Màn hình điện tử, tivi ngoài trời phải được Ủy ban nhân dân thành phố duyệt quy hoạch về địa điểm; không được phát âm thanh, chỉ phát hình và thuyết minh bằng chữ (chữ Việt Nam phát trước và to hơn chữ nước ngoài); dành 20% thời lượng phát nội dung thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp nội dung.

d) Riêng tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, cao ốc, phương tiện vận chuyển được đặt ti vi bên trong để quảng cáo và phải tuân thủ các quy định về hoạt động quảng cáo.

5. Đối với băng-rôn phục vụ cho các sự kiện (đã được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương):

a) Kích thước: băng-rôn ngang tối đa 1m x 8m, treo cao cách mặt đất 4m. Băng-rôn dọc tối đa 0,8m x 2,4m, treo cao cách mặt lề đường 1m.

b) Không treo trên gốc cây, cột điện. Treo trên trụ đèn chiếu sáng phải thỏa thuận với đơn vị quản lý.

6. Bảng hiệu đặt tại các địa điểm sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không phải xin phép nhưng nội dung thể hiện phải theo đúng Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 11/2006/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ; đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị, kích thước chiều cao không quá 1,2m, chiều ngang tối đa không quá độ dài của mặt tiền nhà. Mỗi địa điểm sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chỉ treo, gắn một bảng hiệu.

Điều 7. Thời hạn thực hiện quảng cáo

1. Đối với quảng cáo bằng bảng, biển, pa-nô thì thời hạn thực hiện quảng cáo không quá 03 (ba) năm; khi hết thời hạn nếu muốn gia hạn phải được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp phép.

Trường hợp thay đổi về vị trí hoặc kích thước hoặc sản phẩm quảng cáo đều phải được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp phép.

2. Đối với quảng cáo bằng băng-rôn, vật phát quang, vật thể trên không, dưới nước, vật thể di động khác về một hoạt động có xác định thời gian thì được quảng cáo cả thời gian diễn ra hoạt động đó và trước đó không quá 05 (năm) ngày làm việc, sau đó không quá 02 (hai) ngày làm việc.

Trường hợp quảng cáo về một hoạt động không xác định thời gian thì thời hạn cho một đợt quảng cáo không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc. Khoảng cách giữa các đợt quảng cáo ít nhất là 08 (tám) ngày làm việc.

Chương III
THẨM QUYỀN, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP THỰC HIỆN QUẢNG CÁO

Điều 8. Thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện quảng cáo

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép thực hiện quảng cáo trên bảng, biển, pa-nô, băng-rôn, màn hình đặt nơi công cộng, vật phát quang, vật thể trên không, dưới nước, vật thể di động khác.

Điều 9. Hồ sơ xin phép thực hiện quảng cáo

1. Đơn xin cấp giấy phép thực hiện quảng cáo (theo mẫu).

2. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép thực hiện quảng cáo.

3. Bản sao giấy chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu sản phẩm, tên gọi, biểu tượng (chỉ nộp một lần).

4. Mẫu (ma-két) sản phẩm quảng cáo in màu có chữ ký của cá nhân xin phép quảng cáo hoặc có đóng dấu xác nhận nếu người xin phép là tổ chức (02 bản).

5. Bản sao hợp đồng dịch vụ quảng cáo (nếu thuê cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ quảng cáo).

6. Bản sao hợp đồng thuê phương tiện quảng cáo (nếu thuê phương tiện quảng cáo).

7. Đối với việc quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có liên quan đến các lĩnh vực y tế, nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng, thành phần hồ sơ xin phép thực hiện quảng cáo theo quy định tại khoản 1 Mục 2 Thông tư liên tịch số 06/2007/TTLT/BVHTT-BYT-BNN-BXD ngày 28 tháng 02 năm 2007.

Điều 10. Hồ sơ xin gia hạn, thay đổi nội dung Giấy phép quảng cáo

1. Trường hợp gia hạn nội dung quảng cáo đã được cấp phép, nộp bản chính giấy phép cũ và hồ sơ quy định tại khoản 1, 4, 6, 7 Điều 9 Quy định này.

2. Trường hợp đổi nội dung quảng cáo, nộp bản chính giấy phép cũ và hồ sơ quy định tại khoản 1, 3, 4, 6 Điều 9 Quy định này.

Điều 11. Trình tự và thời gian giải quyết hồ sơ

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xin cấp Giấy phép thực hiện quảng cáo nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Sau khi nhận đủ các loại giấy tờ quy định tại Điều 9 Quy định này, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có Biên nhận hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và vào sổ tiếp nhận hồ sơ.

2. Thời gian giải quyết cấp phép tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các loại hình quảng cáo dài hạn, không quá 5 ngày đối với quảng cáo ngắn hạn.

Trường hợp cần lấy ý kiến của Sở Xây dựng, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ thì thời gian cấp phép thực hiện theo quy định tại khoản 3 Mục 2 Thông tư liên tịch số 06/2007/TTLT-BVHTT-BYT-BNN-BXD ngày 28 tháng 02 năm 2007.

3. Nếu từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ.

Điều 12. Lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo

1. Tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép thực hiện quảng cáo phải trực tiếp nộp lệ phí tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định như sau:

a) Lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo theo quy định tại Thông tư số 67/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2004 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo và Thông tư số 64/2008/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 67/2004/TT-BTC.

b) Lệ phí thẩm định và cấp giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo đối với hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực y tế theo quy định tại Quyết định số 44/2005/QĐ-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện hành nghề y, dược, lệ phí cấp giấy phép xuất, nhập khẩu và cấp chứng chỉ hành nghề y, dược và Quyết định số 80/2005/QĐ-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm;

c) Lệ phí thẩm định và cấp giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo đối với hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; lệ phí thẩm định công trình xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức thu, nộp và quản lý

sử dụng lệ phí cấp giấy phép thực hiện quảng cáo hoặc chuyển cho các Sở có liên quan theo quy định.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG QUẢNG CÁO

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ trong việc cấp Giấy phép thực hiện quảng cáo cho tổ chức, cá nhân; thu phí, lệ phí theo quy định tại Điều 12 Quy định này và chuyển cho các Sở có liên quan; là đầu mối tiếp nhận khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân trong quá trình cấp phép thực hiện quảng cáo;

2. Chủ trì phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, các Sở - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố theo hướng: Giữ hiện trạng các bảng quảng cáo đã có giấy phép xây dựng hoặc giấy thỏa thuận xây dựng của cơ quan chức năng, hạn chế phát triển thêm các bảng quảng cáo dựng từ mặt đất đối với các quận nội thành gồm các quận: 1, 3, 4, 5, 6, 7, 10, 11, Bình Thạnh, Tân Bình, Phú Nhuận.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và Cục Thuế thành phố lập phương án trình Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thông qua việc thu phí sử dụng khoảng không để kinh doanh quảng cáo trên địa bàn thành phố.

4. Sao gửi Giấy phép thực hiện quảng cáo ngay sau khi cấp phép cho Ủy ban nhân dân các quận - huyện và đơn vị có liên quan để phối hợp kiểm tra.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở - ngành có liên quan

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở - ngành có liên quan giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý nhà nước và công tác thanh, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về hoạt động quảng cáo trên báo chí, mạng thông tin máy tính và xuất bản phẩm trên địa bàn thành phố theo quy định tại Thông tư liên tịch số 85/2008/TTLT-BVHTTDL-BTTTT ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về cấp phép, đăng ký, thực hiện quảng cáo trên báo chí, mạng thông tin máy tính, xuất bản phẩm và công tác thanh, kiểm tra, xử lý vi phạm.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và có văn bản thỏa thuận đúng thời hạn theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TTLT/BVHTT-BYT-BNN-BXD ngày 28 tháng 02 năm 2007; giải quyết các khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân trong các nội dung thỏa thuận về xây dựng công trình quảng cáo và trả lời cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Sở Y tế có trách nhiệm phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo đúng thời hạn theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TTLT/BVHTT-BYT-BNN-BXD ngày 28 tháng 02 năm 2007; giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân trong việc tiếp nhận hồ sơ quảng cáo đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của mình và trả lời cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo đúng thời hạn theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TTLT/BVHTT-BYT-BNN-BXD ngày 28 tháng 02 năm 2007; giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân trong việc tiếp nhận hồ sơ quảng cáo trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn và trả lời cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận - huyện

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo trên địa bàn.

2. Đề xuất quy hoạch quảng cáo; theo dõi, quản lý xây dựng các công trình quảng cáo.

3. Thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động quảng cáo trên địa bàn.

Điều 16. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm

1. Thanh tra chuyên ngành Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở - ngành chức năng và Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định về pháp luật quảng cáo và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến hoạt động quảng cáo; xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động quảng cáo có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật và Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành

chính, bồi thường thiệt hại hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm các quy định về việc cấp, thu hồi giấy phép thực hiện quảng cáo, cản trở hoạt động quảng cáo đúng pháp luật của tổ chức, cá nhân; sách nhiễu hoặc có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về quảng cáo thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Xử lý chuyển tiếp

Giấy phép thực hiện quảng cáo được cấp trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành thì vẫn được sử dụng cho đến khi hết thời hạn ghi trong Giấy phép.

Điều 18. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc phát sinh, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Sở - ngành, cá nhân, tổ chức có liên quan kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thu Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03/2009/QĐ-UBND	*Quận 3, ngày 21 tháng 5 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH
Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 3

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BNV ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và Thông tư số 06/2008/TT-BNV ngày 21 tháng 8 năm 2008 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung khoản 2 Mục III Phần I Thông tư số 04/2008/TT-BNV ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận - huyện;

Theo Báo cáo thẩm định số 236/BC-TP ngày 05 tháng 5 năm 2009 của Phòng Tư pháp quận 3 và theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận 3 tại Tờ trình số 294/TTr-PNV ngày 15 tháng 5 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 3.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 33/2006/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 3 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân quận 3.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 3 và Trưởng Phòng Nội vụ quận 3 có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Hữu

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 3)

Chương I
VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Phòng Nội vụ quận là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tổ chức, biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; cán bộ, công chức phường; hội, tổ chức phi Chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo; thi đua khen thưởng.

2. Phòng Nội vụ quận có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nội vụ.

Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Nội vụ quận có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân quận các văn bản hướng dẫn về công tác nội vụ trên địa bàn và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

2. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực theo chức năng quản lý nhà nước được giao.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực theo chức năng, phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Về tổ chức, bộ máy:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, việc thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan chuyên môn, các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân quận;

b) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định việc thành lập, giải thể, sáp nhập các tổ chức phối hợp liên ngành thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân quận và theo quy định.

5. Về quản lý và sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận trong việc tổ chức, phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp hàng năm; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế; thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Phòng Nội vụ theo quy định và theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận;

b) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân quận và cơ quan chức năng có thẩm quyền việc thực hiện các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ quan chuyên môn, tổ chức sự nghiệp quận và Ủy ban nhân dân phường.

6. Về công tác xây dựng chính quyền:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo phân công của Ủy ban nhân dân quận;

b) Thực hiện các thủ tục để Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê chuẩn các chức danh lãnh đạo của Ủy ban nhân dân phường và lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân thành phố phê chuẩn các chức danh lãnh đạo của Ủy ban nhân dân quận;

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận xây dựng đề án thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính trên địa bàn quận để Ủy ban nhân dân quận trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ, mốc, chỉ giới, bản đồ địa giới hành chính của quận;

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường việc thành lập, giải thể, sáp nhập; kiểm tra, tổng hợp báo cáo về hoạt động của khu phố, tổ dân phố; bồi dưỡng công tác cho các chức danh ở khu phố, tổ dân phố.

7. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận trong việc hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp báo cáo việc thực hiện pháp luật về dân chủ cơ sở đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và phường.

8. Về cán bộ, công chức, viên chức: tham mưu Ủy ban nhân dân quận trong việc tuyển dụng, sử dụng, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đánh giá, thực hiện chính sách, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức quận và cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách phường theo phân cấp.

9. Về cải cách hành chính:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận triển khai chủ trương, biện pháp đẩy mạnh thực hiện chương trình cải cách hành chính, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn cùng cấp và Ủy ban nhân dân phường trong việc tổ chức thực hiện; tổng hợp báo cáo cho Ủy ban nhân dân quận và các cơ quan có thẩm quyền;

c) Tổ chức triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về công tác nội vụ.

10. Quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động của hội và tổ chức phi Chính phủ trên địa bàn quận theo phân công của Ủy ban nhân dân quận.

11. Về công tác văn thư, lưu trữ: hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ về thu thập, bảo vệ, bảo quản và tổ chức sử dụng tài liệu lưu trữ; việc chấp hành chế độ, quy định về công tác văn thư, lưu trữ đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân quận.

12. Về công tác tôn giáo: tham mưu Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo trên địa bàn quận 3; chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn cùng cấp để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tôn giáo theo phân cấp.

13. Về công tác thi đua, khen thưởng: tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân quận tổ chức các phong trào thi đua và triển khai thực hiện chính sách khen thưởng của Đảng và Nhà nước trên địa bàn quận; làm nhiệm vụ thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận; hướng dẫn kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch, nội dung thi đua, khen thưởng; xây dựng, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng.

14. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm về công tác nội vụ theo thẩm quyền; thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và cơ quan chức năng có thẩm quyền về tình hình, kết quả triển khai công tác nội vụ.

15. Quản lý tài chính, tài sản của Phòng Nội vụ theo quy định và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

16. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường về công tác nội vụ và các lĩnh vực công tác khác được giao theo hướng dẫn và quy định.

17. Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo phân công của Ủy ban nhân dân quận hoặc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng.

Chương III
CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Nội vụ có Trưởng phòng, không quá 03 (ba) Phó Trưởng phòng và cán bộ, công chức.

2. Trưởng Phòng Nội vụ chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng.

3. Phó Trưởng phòng giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng.

4. Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

5. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác quản lý nhà nước về nội vụ trên địa bàn quận được bố trí phù hợp với nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm cá nhân trước Trưởng phòng và trước pháp luật về công tác, nhiệm vụ được phân công.

Điều 4. Tổ chức bộ máy

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể của cơ quan, trình độ, năng lực cán bộ, công chức, Trưởng phòng có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, công chức nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ, nâng cao hiệu quả công việc và tinh gọn bộ máy, trên cơ sở tổ chức thành các Tổ chuyên môn, cụ thể như sau:

- Tổ công tác tổ chức, bộ máy; quản lý và sử dụng biên chế; công tác cán bộ, công chức, viên chức; quản lý hội và tổ chức phi Chính phủ;

- Tổ công tác xây dựng chính quyền; quy chế dân chủ cơ sở; khu phố, tổ dân phố; thanh tra, kiểm tra, giải quyết các khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm về công tác nội vụ; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

- Tổ công tác cải cách hành chính; xây dựng kế hoạch, thống kê, thông tin, báo cáo công tác nội vụ; ứng dụng khoa học công nghệ, thông tin, lưu trữ phục vụ công tác nội vụ;

- Tổ công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật;

- Tổ công tác tôn giáo;

- Tổ công tác tài vụ, văn thư, lưu trữ.

Điều 5. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ, công chức cụ thể, xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức để phân bổ biên chế cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể của Phòng Nội vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng biên chế hành chính của quận, trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm.

Chương IV
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành tất cả các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, công chức giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ, công chức phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 7. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 8. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở Nội vụ:

Phòng Nội vụ chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nội vụ, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Nội vụ.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Phòng Nội vụ chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với Ban Tổ chức Quận ủy:

Phòng Nội vụ phối hợp, bàn bạc với Ban Tổ chức Quận ủy trong việc giải quyết những vấn đề về tổ chức cán bộ thuộc diện Quận ủy quản lý theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân quận (đề bạt, bổ nhiệm, xây dựng kế hoạch, quy hoạch đào tạo, đào tạo lại cán bộ, công chức, viên chức), đồng thời thường xuyên liên hệ với Ban Tổ chức Quận ủy để nắm được chủ trương của Quận ủy qua từng thời kỳ về công tác tổ chức và cán bộ, qua đó có kế hoạch thực hiện tốt nhiệm vụ.

4. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Nội vụ tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các phường:

Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng; hướng dẫn cán bộ phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

6. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu trả lời chất vấn, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận theo ủy nhiệm để trả lời, giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Nội vụ quận có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Nội vụ phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định để thi hành.

Điều 10. Trưởng Phòng Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Hữu

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 04/2009/QĐ-UBND	*Quận 3, ngày 26 tháng 5 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH

Về thành lập Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 3 thuộc Ủy ban nhân dân quận 3

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/NQ-QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về kiện toàn tổ chức Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Theo Báo cáo thẩm định số 279/BC-TP ngày 20 tháng 5 năm 2009 của Phòng Tư pháp quận 3 và xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận 3 tại Tờ trình số 268/TTr-NV ngày 11 tháng 5 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 3 thuộc Ủy ban nhân dân quận 3.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 3 là đơn vị sự nghiệp công lập; được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 3 chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân quận 3, đồng thời chịu sự hướng dẫn nghiệp vụ của các sở - ngành đối với các hoạt động liên quan.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 3 có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định.

Điều 2. Giao Trưởng ban Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 3 căn cứ quy định, hướng dẫn của các bộ, ngành có liên quan và Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về kiện toàn tổ chức Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện, xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 3 trình Ủy ban nhân dân quận 3 xem xét, phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ các quyết định trước đây có nội dung trái với Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 3, Trưởng Phòng Nội vụ quận 3, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 3, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Trưởng ban Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 3 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường - quận 3 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Hữu

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

ỦY BAN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2009/QĐ-UBND	*Tân Bình, ngày 21 tháng 5 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về kiện toàn tổ chức Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về kiện toàn tổ chức Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Bình;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 25/TTr-PNV ngày 18 tháng 5 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 ngày, kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 36/QĐ-UB ngày 07 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân quận về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Thái Thị Dư

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của
Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Bình.

Điều 2. pháp lý

Tên gọi: Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Bình.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng là đơn vị sự nghiệp công lập; được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình thành lập và chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, đồng thời chịu sự hướng dẫn nghiệp vụ của các sở - ngành đối với các hoạt động liên quan.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định.

Chương II
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 3. Chức năng, nhiệm vụ

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận có chức năng, nhiệm vụ:

1. Lập phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư báo cáo thẩm định và trình duyệt theo quy định;

2. Giúp Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án thực hiện nhiệm vụ tại điểm a khoản 4 Điều 43 của Quy định kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án về tính chính xác, sự phù hợp chính sách của phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

3. Hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của người sử dụng đất về những vấn đề liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; kiểm kê thực tế so sánh với tờ khai có sự tham gia của người được bồi thường và chủ sử dụng đất. Xác định tổng mức phải bồi thường cho toàn bộ diện tích đất thu hồi, toàn bộ tài sản hiện có trên đất và các khoản bồi thường, hỗ trợ khác. Xác định mức bồi thường, hỗ trợ cho từng đối tượng, lưu trữ hồ sơ bồi thường, hỗ trợ của dự án theo quy định;

4. Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, báo cáo, đề xuất Hội đồng Bồi thường của dự án hoặc Ủy ban nhân dân quận xem xét giải quyết;

5. Thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và phối hợp với các đơn vị có liên quan để bố trí tái định cư cho đối tượng bị thu hồi đất;

6. Phối hợp các ban, ngành, Ủy ban nhân dân phường và các đơn vị có liên quan trên địa bàn quận để nghiên cứu, đề xuất giải quyết các trường hợp xin cứu xét hoặc khiếu nại về bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đồng thời chịu trách nhiệm báo cáo, giải trình theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận đối với các dự án trên địa bàn quận do Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận thực hiện;

7. Phối hợp với các đơn vị có liên quan lập dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có), báo cáo thẩm định và trình duyệt theo quy định;

8. Lập bản vẽ hoặc hợp đồng thuê các đơn vị tư vấn có chức năng đo vẽ hiện trạng nhà, đất để làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc thuê đơn vị tư vấn có chức năng thực hiện;

9. Tổng hợp nhu cầu tái định cư của các dự án công ích trên địa bàn quận cho từng giai đoạn và kế hoạch giải quyết tái định cư cho các dự án này;

10. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc rao mua quỹ nhà, đất tái định cư theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố tại Chỉ thị số 32/2006/CT-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2006 về tập trung giải quyết tái định cư cho các hộ đang tạm cư trong thời gian dài trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số

118/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2007 về phương thức mua, bán căn hộ chung cư hoàn chỉnh và chuyển nhượng nền đất ở đã có hạ tầng kỹ thuật để bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố, Quyết định số 47/2008/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 118/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về phương thức mua, bán căn hộ chung cư hoàn chỉnh và chuyển nhượng nền đất ở đã có hạ tầng kỹ thuật để bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố và các quyết định sửa đổi, bổ sung khác của Ủy ban nhân dân thành phố;

11. Thường xuyên cập nhật giá cả liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (nhà ở, đất ở, giá vật liệu xây dựng…);

12. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận rà soát quỹ đất do Nhà nước trực tiếp quản lý, quỹ đất dôi dư sau khi xử lý thu hồi từ các doanh nghiệp, tổ chức; các dự án phát triển nhà thương mại có sử dụng quỹ đất công để xác định quỹ nhà, đất có thể sử dụng bố trí tái định cư;

13. Kiểm tra, đôn đốc tiến độ thi công các dự án tái định cư trên địa bàn, kiến nghị giải quyết các khó khăn, vướng mắc;

14. Phối hợp các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường và sở - ngành có liên quan để hỗ trợ các hộ dân ổn định cuộc sống sau khi di dời theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố;

15. Thực hiện chế độ báo cáo sơ kết định kỳ hàng tháng, hàng quý, sáu tháng, tổng kết năm của công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư trên địa bàn và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các sở - ngành liên quan;

16. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, do Ủy ban nhân dân thành phố quy định và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Cán bộ lãnh đạo:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Bình do Trưởng ban phụ trách, có từ 2 đến 3 Phó Trưởng ban.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Bình làm việc theo chế độ thủ trưởng.

2. Cơ cấu các Tổ chức năng, nghiệp vụ trực thuộc:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng được tổ chức thành các Tổ:

- Tổ Hành chính - Tài vụ;

- Tổ Nghiệp vụ;

- Tổ Giải quyết khiếu nại, tố cáo và Kiểm tra hồ sơ bồi thường.

Các Tổ có Tổ trưởng và từ 1 đến 2 Tổ phó.

3. Thẩm quyền thành lập, sáp nhập và sắp xếp các Tổ thuộc Ban; thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ các chức danh:

a) Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ các chức danh: Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

b) Việc thành lập, sáp nhập, sắp xếp và bổ nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn thuộc thẩm quyền của Trưởng ban.

Chương III
CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH, TIỀN LƯƠNG

Điều 5. Chế độ chính sách, tiền lương đối với cán bộ, viên chức

Chế độ tiền lương của cán bộ, viên chức Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng áp dụng theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Quá trình công tác tại Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng theo diện hợp đồng của cán bộ, viên chức được tính là thời gian liên tục, để tính mức lương trong việc xét tuyển, bổ nhiệm ngạch.

Điều 6. Chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp kế toán

1. Chế độ phụ cấp chức vụ:

a) Lãnh đạo Ban:

- Trưởng ban hưởng mức phụ cấp chức vụ: 0,40.

- Phó Trưởng ban hưởng phụ cấp chức vụ: 0,30.

b) Cán bộ quản lý Tổ chuyên môn:

- Tổ trưởng chuyên môn, nghiệp vụ hưởng mức: 0,15.

- Tổ phó chuyên môn, nghiệp vụ hưởng mức: 0,10.

2. Chế độ phụ cấp kế toán:

- Kế toán trưởng được hưởng mức phụ cấp trách nhiệm: 0,25.

- Phụ trách kế toán được hưởng mức phụ cấp trách nhiệm: 0,15.

Chương IV
ĐỊNH MỨC BIÊN CHẾ VÀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 7. Định mức biên chế

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc hệ thống các đơn vị sự nghiệp nhà nước, được giao định mức biên chế khung và sử dụng một phần kinh phí ngân sách (nếu có, đối với đơn vị có nguồn thu không đủ trang trải).

Tùy theo tình hình, đặc điểm công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định định mức biên chế trong tổng số biên chế sự nghiệp khác của quận được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

Ngoài định mức biên chế nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận cho phép Thủ trưởng đơn vị được hợp đồng lao động (theo Bộ Luật Lao động), hợp đồng thuê, khoán công việc đối với những công việc không cần bố trí biên chế thường xuyên để đáp ứng yêu cầu công tác của đơn vị.

Điều 8. Cơ chế tài chính

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận là đơn vị sự nghiệp công lập; áp dụng cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, được quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP.

Điều 9. Nguồn kinh phí

Kinh phí hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận được trích từ hai phần trăm (2%) chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn quận.

Trường hợp đặc biệt, kinh phí trích từ hai phần trăm (2%) chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn quận không đủ chi, thì Ủy ban nhân dân quận căn cứ vào cân đối ngân sách quận để bổ sung kinh phí hoạt động theo quy định.

Chương V
TUYỂN DỤNG, BỔ NHIỆM NGẠCH, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIÊN CHỨC

Điều 10. Tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch, quản lý và sử dụng viên chức

Viên chức vào làm việc tại Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng được tổ chức xét tuyển, thực hiện chế độ tập sự và bổ nhiệm vào ngạch viên chức hoặc hợp đồng lao động và tổ chức quản lý, sử dụng viên chức theo quy định.

Điều 11. Thẩm quyền xét tuyển và bổ nhiệm ngạch công chức, viên chức

Trưởng ban phối hợp cùng Phòng Nội vụ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thành lập Hội đồng để thực hiện việc xét tuyển; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch hoặc đề nghị Sở Nội vụ bổ nhiệm ngạch theo thẩm quyền.

Điều 12. Khen thưởng và xử lý kỷ luật cán bộ, viên chức

Cán bộ, viên chức làm việc tại Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng được khen thưởng và xét danh hiệu thi đua theo quy định hiện hành và xử lý kỷ luật theo quy định tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức và Bộ Luật Lao động.

Chương VI
PHÂN CÔNG, CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM CỦA TRƯỞNG BAN, PHÓ TRƯỞNG BAN VÀ CÁC TỔ CHỨC NĂNG

Điều 13. Phân công, chế độ trách nhiệm

1. Trưởng ban:

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng, đồng thời chịu sự hướng dẫn của các sở - ngành đối với các hoạt động liên quan;

- Điều hành hoạt động của Ban; chỉ đạo cán bộ, viên chức, nhân viên của Ban lập, trình duyệt phương án tổng thể hoặc phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn quận;

- Tham gia thành viên Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn quận và thực hiện vai trò tham mưu, giúp việc theo quy định tại chức năng, nhiệm vụ của Quy chế này;

- Giúp Ủy ban nhân dân quận xây dựng và ban hành quy trình giải quyết hồ sơ, thủ tục liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

2. Các Phó Trưởng ban:

Phó Trưởng ban là người giúp việc cho Trưởng ban, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo lĩnh vực công tác do Trưởng ban phân công và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban, liên đới chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được giao. Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền thực hiện một số công việc cụ thể theo quy định.

3. Các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ:

- Tham mưu, giúp việc cho Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; về các lĩnh vực được phân công và thực hiện các công tác khác theo sự chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị;

- Soạn thảo và tham mưu cho Trưởng ban ký ban hành nội quy, chức năng, nhiệm vụ cụ thể, chế độ trách nhiệm của các Tổ; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm cho đơn vị;

- Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của đơn vị.

4. Cán bộ, viên chức, nhân viên:

Cán bộ, viên chức, nhân viên làm việc tại Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng phải có trình độ chuyên môn phù hợp với công việc, là người có phẩm chất, đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan trong thi hành công vụ và chấp hành nghiêm túc sự phân công của lãnh đạo Ban.

Chương VII
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 14. Chế độ làm việc và hội họp

1. Chế độ làm việc:

Thực hiện theo quy định chung của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân quận.

Cán bộ, viên chức, nhân viên của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận đều có chức danh, nhiệm vụ cụ thể và đeo thẻ công chức, viên chức theo quy định.

Cán bộ, viên chức, nhân viên phải có thái độ, phong cách làm việc lịch sự, hòa nhã, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân cũng như của đồng nghiệp.

2. Chế độ hội họp:

Định kỳ hàng tuần họp giao ban giữa lãnh đạo Ban với các Tổ trưởng để kiểm điểm công tác trong tuần qua và triển khai công tác tuần tới.

Hàng tháng họp toàn thể cán bộ, viên chức, nhân viên của đơn vị một lần để kiểm điểm tình hình thực hiện công tác trong tháng qua và đề ra công tác cho tháng tiếp theo; đồng thời, phổ biến các chủ trương, chính sách, chế độ mới của Nhà nước và nhiệm vụ mới phát sinh ở địa phương và có văn bản báo cáo cho Ủy ban nhân dân quận và sở - ngành liên quan.

Hàng quý, 6 tháng và cuối năm, báo cáo sơ, tổng kết công tác theo quy định.

Ngoài ra, có thể tổ chức họp đột xuất để triển khai các công việc cần thiết và cấp bách theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

Điều 15. Quan hệ công tác

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận có các mối quan hệ công tác như sau:

1. Đối với Hội đồng thẩm định bồi thường thành phố và các sở - ngành liên quan:

- Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận chịu sự hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; về quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ và các biểu mẫu về công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện đồng bộ, thống nhất theo sự hướng dẫn của Hội đồng thẩm định bồi thường thành phố và các sở - ngành liên quan.

- Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận thực hiện việc báo cáo kết quả công tác định kỳ, đột xuất và chuyên đề theo yêu cầu của các sở - ngành liên quan.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân quận. Trưởng ban trực tiếp nhận chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phụ trách khối quản lý đô thị); báo cáo Ủy ban nhân dân quận việc thực hiện những mặt công tác đã được phân công.

3. Đối với Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận là cơ quan thường trực của Hội đồng, tham mưu cho Hội đồng trong công tác lập phương án tổng thể (trường hợp đã thành lập Hội đồng) và phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tổ chức thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư.

4. Đối với các cơ quan khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp và hợp tác bình đẳng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định.

Khi phối hợp giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách, nếu chưa nhất trí với ý kiến của các cơ quan khác, Trưởng ban chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định.

5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và tổ chức xã hội quận:

Phối hợp với các ngành, đoàn thể có liên quan trong việc tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật, quy định của Nhà nước để giải phóng mặt bằng, thực hiện dự án đầu tư đã được phê duyệt.

Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận, Trưởng ban có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo quy định.

6. Đối với Ủy ban nhân dân các phường:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận phối hợp Ủy ban nhân dân phường nơi có dự án đầu tư trong việc điều tra, khảo sát hiện trạng, cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết thực hiện tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi trả tới từng hộ dân để phục vụ cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn quận theo quy định của Nhà nước.

Khi phối hợp giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Ủy ban nhân dân phường, Trưởng ban tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định.

Chương VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Bình và các cơ quan liên quan thuộc quận Tân Bình có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế, sau khi có sự trao đổi thống nhất với Trưởng Phòng Nội vụ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Thái Thị Dư

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2009/QĐ-UBND	*Củ Chi, ngày 04 tháng 6 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện thực hiện Chương trình hành động của Huyện ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Chương trình hành động số 43-Ctr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện thực hiện Chương trình hành động của Huyện ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

Điều 2. Thủ trưởng các phòng - ban, đơn vị thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, khẩn trương xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể, nhằm thực hiện Kế hoạch này đạt hiệu quả cao nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các phòng - ban, đơn vị thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Minh Tấn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động của Huyện ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện)

Trong những năm qua, nhất là từ năm 1996 đến nay kinh tế đất nước phát triển nhanh, đời sống nông dân, bộ mặt nông thôn, ngành nông nghiệp có bước phát triển khá nhưng nhìn chung nông nghiệp chưa có sự phát triển vững chắc, cơ sở hạ tầng nông thôn chưa phát triển đồng bộ, đời sống của người nông dân còn gặp nhiều khó khăn ở khu vực mà cơ sở hạ tầng thiếu và nhất là số nông dân bị mất đất do quy hoạch xây dựng nhưng chưa có sự chuẩn bị tốt để thay đổi ngành nghề.

Củ Chi là huyện ngoại thành nằm về hướng Tây Bắc của thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích tự nhiên 43.496ha. Diện tích đất nông nghiệp chiếm 78,48% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong những năm gần đây với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa, cơ cấu kinh tế đang thay đổi từ nông nghiệp - công nghiệp - thương mại dịch vụ sang công nghiệp - thương mại dịch vụ - nông nghiệp. Theo kết quả điều tra nông nghiệp - nông thôn ngày 01 tháng 7 năm 2006 cơ cấu ngành nghề ở Củ Chi được thể hiện: hộ công nghiệp 32,28%, hộ nông nghiệp 29,85%, hộ thương nghiệp 16,25%, hộ dịch vụ 9,17%, hộ xây dựng 6,56%, hộ vận tải 2,26%, hộ dịch vụ khác 9,17%.

Huyện Củ Chi đang thực hiện công tác chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, đang giảm nhanh diện tích đất trồng lúa có năng suất và hiệu quả thấp sang các loại cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao hơn như trồng rau an toàn, hoa, cây kiểng, cây ăn trái kết hợp du lịch sinh thái và trồng cỏ phục vụ cho đàn bò sữa. Trong chăn nuôi nâng đàn bò sữa, cá sấu và một số loài thủy đặc sản.

Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, những biến động giá cả trên thị trường thế giới, đa số các vật tư chủ yếu cho sản xuất nông nghiệp như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, giá cả các sản phẩm nông nghiệp luôn biến động làm cho nông dân bị bắt buộc phải thay đổi cây trồng, vật nuôi đột ngột là điệp khúc gây khó khăn

cho đời sống nông dân. Tình hình ô nhiễm môi trường, mưa bão thay đổi bất thường góp phần làm cho môi trường nông thôn ngày càng xuống cấp, đời sống nông dân còn gặp nhiều khó khăn là mối quan tâm rất lớn mà Đảng bộ, chính quyền và nông dân Củ Chi nói riêng và ngành nông nghiệp - nông dân - nông thôn cả nước nói chung.

Trên cơ sở Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X. Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn huyện Củ Chi đến năm 2020.

I. MỤC TIÊU - NHIỆM VỤ

1. Xây dựng phát triển nông nghiệp huyện Củ Chi theo hướng hiện đại, bền vững, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, gắn với đặc thù nông nghiệp ngoại thành của một thành phố lớn nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Xây dựng đội ngũ nông dân có trình độ và bản lĩnh chính trị làm chủ nông thôn, có đời sống vật chất và tinh thần được nâng lên, làm nền tảng chính trị, kinh tế, xã hội vững chắc, góp phần thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội hiện đại, cơ cấu kinh tế phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế chung của thành phố, xã hội nông thôn ổn định, môi trường sinh thái được bảo vệ, dân trí được nâng cao, hệ thống chính trị được tăng cường.

2. Tổ chức thực hiện các giải pháp để chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp, phát triển dịch vụ nông nghiệp và công nghiệp chế biến; phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nông thôn, trong đó tập trung hoàn thiện mạng lưới giao thông nông thôn, giao thông nội đồng phục vụ việc vận chuyển vật tư nông sản phẩm; hoàn thành hệ thống thủy lợi bờ hữu ven sông Sài Gòn, kiên cố hóa kênh mương, chủ động tưới tiêu theo yêu cầu sản xuất để khai thác hết diện tích canh tác; bảo đảm tốt các điều kiện học tập, chữa bệnh, sinh hoạt văn hóa, thể thao ở vùng nông thôn.

Phấn đấu giá trị sản xuất nông, lâm, ngư giai đoạn 2006 - 2020 bình quân tăng trên 7,07%/năm (trong đó giai đoạn 2006 - 2010 tăng trên 9%/năm, giai đoạn 2011 - 2020 tăng trên 5%/năm, đến năm 2020 tỷ trọng nông nghiệp chiếm khoảng 11% trong tổng giá trị sản xuất của huyện. Trong nông nghiệp cơ cấu nông, lâm, ngư

nghiệp: trồng trọt chiếm 32,17%, chăn nuôi chiếm 48,1%, lâm nghiệp 1,07%, thủy sản 4,18%, dịch vụ nông nghiệp 14,48%. Đến năm 2010 giá trị sản xuất bình quân đạt 105 triệu đồng/ha/năm; năm 2015 giá trị sản xuất bình quân đạt 155 triệu đồng/ha/năm, năm 2020: 217 triệu đồng/ha/năm, lao động nông nghiệp còn 5,3% so với lao động của huyện; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề trong tổng lao động đang làm việc trên 60%; hàng năm giải quyết việc làm cho 8.000 lao động; mức thu nhập bình quân 4.500 USD/người/năm.

3. Đầu tư nâng cấp trường, lớp đạt tiêu chuẩn theo quy định; phát triển hệ thống đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa lĩnh vực nông nghiệp; nâng cấp thiết chế văn hóa cơ sở, nhất là trung tâm, tụ điểm văn hóa, thể dục thể thao; nâng cao trình độ giác ngộ và vị thế chính trị của giai cấp nông dân, tạo điều kiện để nông dân tham gia đóng góp và thụ hưởng những thành tựu đạt được trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hoàn thành phổ cập giáo dục bậc trung học phổ thông năm 2009, có 10 bác sỹ trên 10.000 dân; đến năm 2015 hoàn thành mức chuẩn nghèo theo tiêu chí 12 triệu đồng/người/năm; 100% người nghèo ở nông thôn được chăm sóc y tế miễn phí, 100% hộ dân có đủ nước sạch sinh hoạt, 40 - 50% hộ sản xuất nông nghiệp đạt danh hiệu nông dân sản xuất giỏi; 80% hộ nông dân đạt danh hiệu Gia đình văn hóa.

4. Tập trung thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn; tăng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn (giao thông nội đồng, thủy lợi, trường học, trạm y tế, chợ). Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ tiên tiến, tạo tiền đề phát triển mạnh những năm tiếp theo. Đúc kết chương trình xây dựng nông thôn mới, giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, giữ vững ổn định chính trị, cải thiện đời sống cư dân nông thôn.

Phấn đấu hoàn thành kế hoạch mục tiêu giai đoạn 2006 - 2010 theo Nghị quyết Huyện đảng bộ lần thứ X, trong đó tốc độ tăng trưởng sản xuất nông nghiệp trên 8%, hoàn thành chương trình xóa đói giảm nghèo theo tiêu chí 6 triệu đồng/người/năm; giảm tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới 12 triệu đồng/người/năm, 98% hộ dân sử dụng nước sạch; 95% hộ dân có nhà tiêu hợp vệ sinh; 80% hộ chăn nuôi xây dựng hầm biogas xử lý chất thải.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2020

1. Xây dựng nền nông nghiệp đô thị, sinh thái theo hướng hiện đại, đồng thời phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn:

1.1. Thuê tư vấn thực hiện xây dựng đề án kế hoạch sản xuất nông nghiệp của huyện đến 2020 tầm nhìn 2025 theo hướng hiệu quả cao và bền vững, phù hợp với quy hoạch chung của thành phố và theo nhu cầu thị trường.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng đô thị gắn với chế biến và nhu cầu thị trường; ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất; phát triển mô hình sản xuất kết hợp với dịch vụ phục vụ nhu cầu du lịch, giải trí, các loại hình tổ chức sản xuất hiện đại có hiệu quả kinh tế cao các loại cây, con chủ yếu: hoa, cây kiểng 900ha, cá cảnh 30ha, rau an toàn 4.000ha, bò sữa 70.000 con, cá sấu 150.000 con, heo 200.000 - 250.000 con. Hình thành khu nhà vườn kết hợp du lịch sinh thái 1.050ha khu vực ven sông Sài Gòn, phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại.

1.2. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành nông nghiệp, tập trung các giải pháp:

- Trồng trọt: áp dụng các tiến bộ về công nghệ sinh học, các giống sạch bệnh, có năng suất, chất lượng cao được cơ quan chuyên môn kiểm định; kiểm tra chất lượng các loại vật tư, phân bón, nông sản. Tổ chức sản xuất theo tiêu chuẩn GAP để có nông sản an toàn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội; kiên cố hóa kênh mương 100%, phát triển cơ giới hóa khâu cày bừa, tưới tiêu, vận chuyển 99%.

- Chăn nuôi: nâng cao hiệu quả công tác thú y, thực hiện tốt công tác tiêm phòng đạt 100% diện tiêm trên đàn gia súc, gia cầm, chủ động phòng, chống dịch bệnh, xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, tăng cường công tác quản lý kiểm định giống; hỗ trợ các trại, cơ sở chăn nuôi xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển chăn nuôi theo mô hình trang trại, phương pháp công nghiệp, sản xuất theo tiêu chuẩn GAP.

- Thủy sản: quy hoạch, đầu tư kết cấu hạ tầng vùng nuôi, kiểm soát nguồn nước, tăng cường công tác thú y thủy sản, kiểm soát chất lượng con giống, thức ăn. Kiểm tra hạn chế các ngư cụ và phương tiện đánh bắt lạm sát nguồn lợi thủy sản. Tổng diện tích nuôi trồng 446,35ha tập trung ven sông Sài Gòn và các xã có kênh Đông.

- Lâm nghiệp: tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phòng, chống cháy rừng, có kế hoạch bảo vệ tốt rừng phòng hộ 868ha. Phát triển cây phân tán, hoa, cây kiểng trong các trường học, công sở và các nơi công cộng.

1.3. Công nghiệp và dịch vụ phục vụ nông nghiệp:

Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn theo quy hoạch gắn với chế biến nông sản, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp theo hướng chế biến tinh. Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp

phục vụ nông nghiệp, nông dân và nông thôn; đa dạng hóa các hình thức hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản. khuyến khích và hỗ trợ nông dân đầu tư cơ giới trong sản xuất. Cơ cấu kinh tế huyện phát triển theo hướng công nghiệp - thương mại dịch vụ - nông nghiệp.

2. Đổi mới, xây dựng, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn:

- Phát triển các mô hình hợp tác sản xuất giữa hộ nông dân, hợp tác xã - doanh nghiệp - các tổ chức khoa học - cơ quan nhà nước để hỗ trợ kinh tế nông thôn. Phấn đấu 60% hộ sản xuất nông nghiệp thuộc các hình thức hợp tác sản xuất.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại và tiêu thụ nông sản, liên kết giữa các tổ chức sản xuất và các kênh tiêu thụ, xây dựng thương hiêu hàng hóa. Phấn đấu 95% nông sản hàng hóa được tiêu thụ thông qua hợp đồng.

- Giúp đào tạo lực lượng quản lý hợp tác xã, giúp tiếp cận các nguồn vốn, kỹ thuật, công nghệ, thực hiện tốt các dịch vụ đầu vào, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, 90% cán bộ quản lý kinh tế tập thể qua đào tạo, 100% hợp tác xã tiếp cận được các nguồn vốn, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến.

3. Đẩy mạnh chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực để tạo bước đột phá trong nông nghiệp, nông thôn:

- Hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư, chế biến nông sản, bao tiêu sản phẩm, sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp. Nâng cao năng lực hệ thống khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y và các dịch vụ khác ở nông thôn, xây dựng các vùng sản xuất an toàn, công nghệ cao. Thành lập mới 2 khu nông nghiệp công nghệ cao.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khoa học - kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến, hiện đại cho nông dân; thu hút thanh niên, trí thức về công tác, lao động tại nông thôn, nhất là ngành nông nghiệp, giáo dục, y tế. Tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo nghề trên 60%, trên 80% nông dân được chuyển giao tiến bộ kỹ thuật phù hợp ngành nghề sản xuất.

4. Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn theo đúng quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt của cấp có thẩm quyền:

4.1. Đầu tư cơ sở hạ tầng:

- Hệ thống cơ sở hạ tầng, xây dựng và cải tạo cho phù hợp với quy hoạch sản xuất lâu dài theo hướng cơ giới hóa và hiện đại hóa, giao thông nội đồng phục vụ vận

chuyển vật tư, nông sản với tổng chiều dài 96km rộng khắp 21 xã - thị trấn, đảm bảo giao thông đến từng cánh đồng. Hoàn thành 120 công trình hạ tầng phục vụ chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở 5 xã điểm. Hoàn thiện hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện, nhất là bờ hữu ven sông Sài Gòn có chiều dài 54km và các xã vùng trũng theo hướng kết hợp giao thông, thủy lợi, chống ngập úng cục bộ, triều cường nhằm giảm nhẹ thiên tai và ổn định sản xuất và phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

4.2. Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa:

Xây dựng mạng lưới trường, lớp theo tiêu chuẩn quy định bảo đảm cho học sinh địa phương; đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực giáo dục, nâng cao trình độ học vấn cho nhân dân. Đến năm 2020 xây dựng 21/92 trường mẫu giáo đạt chuẩn; 21/66 trường tiểu học đạt chuẩn; 21/33 trường trung học cơ sở đạt chuẩn; 100% trường trung học phổ thông trên địa bàn đều đạt chuẩn. Phát triển đào tạo dạy nghề theo yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và 100% lao động nông nghiệp bị giải tỏa bồi thường đất nông nghiệp được đào tạo nghề.

Củng cố, kiện toàn mạng lưới y tế cơ sở, 100% trạm y tế có bác sỹ; chú trọng đào tạo năng lực chuyên môn cho cán bộ y tế xã, thực hiện tốt y tế dự phòng, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; đẩy mạnh xã hội hóa trung tâm văn hóa, nhà văn hóa, tăng cường tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần cho người dân nông thôn, hình thành 10 trung tâm văn hóa thể thao cụm và 10 xã đạt chuẩn văn hóa.

4.3. Cải thiện, nâng cao chất lượng bảo vệ môi trường nông thôn:

Xây dựng và thực hiện mục tiêu bảo vệ môi trường, vận động nhân dân tham gia bảo vệ môi trường trong khu dân cư, tổ chức thu gom và phân loại rác sinh hoạt tại nguồn nhất là các khu nhà cho thuê để ở. Kiểm tra xử lý các doanh nghiệp, cơ sở gây ô nhiễm; kiên quyết không chấp thuận các dự án không đảm bảo điều kiện về môi trường; tạm ngưng các dự án đang hoạt động nhưng việc xử lý chất thải chưa đạt tiêu chuẩn quy định. 100% các đơn vị sản xuất thực hiện xử lý nước thải đúng theo quy định, 95% hộ dân sử dụng nước sạch và nhà vệ sinh hợp chuẩn và 95% hộ chăn nuôi có hệ thống xử lý chất thải.

5. Nghiên cứu, đề xuất chính sách phù hợp để huy động các nguồn lực góp phần phát triển kinh tế nông thôn:

5.1. Đề xuất thành phố có chính sách khuyến khích doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác và hộ nông dân liên kết, mở rộng quy mô sản xuất, thành lập trang trại chăn nuôi, tiêu thụ các loại nông sản có ưu thế phát triển tại địa phương. Đề xuất bổ sung, hoàn

chỉnh chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp. 95% hộ sản xuất nông nghiệp có ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ nông sản.

5.2. Rà soát điều chỉnh cơ cấu đầu tư, tăng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách để phát triển nông nghiệp, nông thôn từ năm 2009.

5.3. Đào tạo, dạy nghề và giải quyết việc làm:

Đầu tư xây dựng trường dạy nghề theo hướng đào tạo chuyên sâu, hiện đại một số ngành chủ lực, đào tạo công nhân có bậc nghề cao, tập trung cho các nghề mũi nhọn đáp ứng nhu cầu của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp và xuất khẩu lao động. Hỗ trợ đào tạo nghề miễn phí cho học viên nghèo, lao động có hoàn cảnh khó khăn. Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ HTX nông nghiệp, tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp, doanh nhân nông thôn, triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch đào tạo công nhân các ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, sinh vật cảnh, chế biến thực phẩm, khuyến công phục vụ nông nghiệp để phát triển ngành nghề truyền thống, sơ chế, bảo quản, tồn trữ nông sản cho nông dân và cơ sở sản xuất nông sản. Đào tạo nghề hàng năm, dài hạn cho 2.300 - 2.500 người, ngắn hạn 1.400 - 1.500 người.

Tập trung giải quyết việc làm cho nông dân là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; có giải pháp nâng cao trình độ dân trí, khoa học kỹ thuật, đào tạo nghề và chính sách bảo đảm việc làm cho nông dân, nhất là các vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất; đẩy mạnh xuất khẩu lao động từ nông thôn, giải quyết việc làm mỗi năm 8.000 người, triển khai kế hoạch hợp tác sản xuất nông nghiệp với các đối tác trong nước và nước ngoài có nhu cầu; tăng cường giao lưu, hợp tác với tổ chức nông dân các nước.

5.4. Tăng cường nguồn lực và giải pháp thực hiện tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo, tăng đầu tư ngân sách cho quỹ hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người dân có đất bị thu hồi.

5.5. Nâng cao chất lượng cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", xây dựng "Môi trường xanh" xây dựng các hương ước, phát huy truyền thống tốt đẹp, tương thân, tương ái, tình làng nghĩa xóm, bài trừ hủ tục, thực hiện nếp sống văn hóa ở nông thôn, 50% xã đạt chuẩn xã văn hóa, 85% công sở đạt tiêu chuẩn công sở văn minh, 90% trường học, khu dân cư ấp, khu phố đạt tiêu chuẩn "Môi trường xanh".

5.6. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở và chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi, cấp học bổng cho học sinh nghèo, cận nghèo, thí điểm thực hiện bảo hiểm nông nghiệp, bảo đảm mức sống tối thiểu cho dân cư nông thôn. Thực hiện bình đẳng giới, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, năng lực và vị thế của phụ nữ nông thôn.

5.7. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, giải quyết kịp thời các vụ khiếu kiện của người dân.

6. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn, nhất là hội nông dân:

Nâng cao năng lực, chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở huyện; bổ sung nguồn cán bộ có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn, bố trí 10 cán bộ làm công tác tại Phòng Nông nghiệp huyện và mỗi xã có một cán bộ phụ trách nông nghiệp. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Đảng bộ, Chi bộ cơ sở để thật sự là hạt nhân toàn diện trên địa bàn nông thôn, 95% Đảng bộ, Chi bộ đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh. Củng cố nâng cao năng lực cơ quan quản lý nông nghiệp huyện, xã và hiệu quả quản lý nhà nước; tiếp tục cải cách hành chính, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức; nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn; tạo điều kiện cho Hội Nông dân trực tiếp thực hiện một số chương trình, dự án phục vụ sản xuất và nâng cao đời sống nông dân.

Tổng kết việc thực hiện các chủ trương, chính sách có liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn qua đó đề xuất kiến nghị bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CẤP BÁCH CẦN TẬP TRUNG ĐẾN NĂM 2010

1. Phấn đấu đến quý II/2011 hoàn thành quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và tầm nhìn năm 2025 phù hợp với yêu cầu phát triển các ngành kinh tế chung của thành phố. Thực hiện quản lý nghiêm theo quy hoạch, ổn định diện tích và vùng sản xuất nông nghiệp, bảo đảm độ che phủ rừng và cây xanh phù hợp với yêu cầu phát triển nông nghiệp đô thị và bảo vệ môi trường, gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

2. Tiếp tục đẩy mạnh chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, chương trình giống cây, giống con chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; phòng, chống có hiệu quả các loại dịch hại cây trồng, vật nuôi; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Cơ cấu kinh tế huyện: công nghiệp - thương mại dịch vụ - nông nghiệp; cơ cấu kinh tế nông nghiệp chăn nuôi - trồng trọt - dịch vụ - thủy sản - lâm nghiệp.

Chương trình nông thôn mới: hoàn thành ở xã Thái Mỹ và xã Tân Thông Hội và được triển khai đại trà ở các xã còn lại.

Cơ giới hóa nông nghiệp: giải quyết 98% khâu làm đất, tưới tiêu và vận chuyển, 90% khâu thu hoạch lúa và vắt sữa bò.

Phòng, chống các loại dịch hại cây trồng, gia súc: đảm bảo tiêm phòng gia súc đạt 100% diện tiêm, ngăn chặn bệnh vàng lùn - lùn xoắn lá trên lúa bằng phương pháp gieo sạ né rầy và phòng trừ sâu rầy theo phương pháp 4 đúng, áp dụng chế độ luân canh cây trồng và phòng ngừa là chính để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Xây dựng đề án chiến lược phát triển chăn nuôi tạo nguồn thực phẩm bình ổn giá.

Chương trình hoa lan, cây kiểng: đẩy mạnh phát triển hoa lan và cây kiểng nhiều chủng loại 500ha, riêng hoa lan tập trung chủ yếu 2 giống Mokara và Dendro có diện tích từ 40 - 50ha. Hình thành khu hoa lan - cây kiểng 36,4ha ở xã Trung An và khu triển lãm rau - hoa 23ha ở xã Phước Vĩnh An.

Cây rau tất cả phải được sản xuất theo quy trình an toàn, tăng cường kiểm tra tính an toàn trên rau ngay trên đồng ruộng và sau thu hoạch, nhất là nhóm rau sử dụng tươi sống.

Đặc biệt tăng nhanh diện tích nuôi cá cảnh lên 20ha trên cơ sở đẩy mạnh phát triển vệ tinh phục vụ nhu cầu xuất khẩu.

3. Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế chính sách hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, đảm bảo tính hỗ trợ lãi suất cho sản xuất nông nghiệp đúng hướng chuyển dịch và đúng đối tượng, đơn giản hóa thủ tục để mọi tổ chức, hộ gia đình đều dễ dàng tiếp cận nguồn vốn chuyển đổi nhất là cho vay để xây dựng cơ sở hạ tầng đồng ruộng.

Chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, dạy nghề, chuyển đổi nghề khi Nhà nước thu hồi đất: đảm bảo người dân có đất bị thu hồi có mức bồi thường thỏa đáng theo giá thị trường, có thể tự sắp xếp tái định cư hoặc định cư theo phương án đền bù được duyệt, trang bị nghề mới cho các cá nhân không còn đất sản xuất nông nghiệp nhằm tạo cuộc sống ổn định sau khi bị thu hồi đất.

4. Hoàn thành cơ bản hệ thống thủy lợi bờ hữu ven sông Sài Gòn với chiều dài 31km/54km và các công trình phòng, chống lụt, bão, tuyến đê bao vùng ảnh hưởng triều cường (công trình sông Lu - Láng The; thủy lợi Trung An - Hòa Phú; hệ thống thủy lợi Bình Mỹ) theo hướng hoàn chỉnh cuốn chiếu cho từng vùng để người dân

yên tâm đầu tư sản xuất, sinh hoạt (140 tỷ đồng). Hoàn thành 120 dự án của 5 xã điểm (61 công trình thủy lợi và 59 công trình giao thông) với kinh phí 120 tỷ đồng. Tiếp tục kiên cố hóa kênh mương nội đồng theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm nhằm tạo cơ sở để thực hiện chuyển đổi đạt hiệu quả và nhân rộng cho các xã khác. Vận động người dân chấp hành chủ trương bồi thường để xây dựng công trình lớn và hiến đất để xây dựng cơ sở hạ tầng nội đồng. Tăng cường kiểm soát và xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, nhà trọ gây ô nhiễm, có biện pháp ngăn chặn các nguồn gây ô nhiễm phát sinh, góp phần cải thiện môi sinh, môi trường của huyện, kiểm tra thường xuyên việc xử lý chất thải, thu gom rác và xử lý nghiêm theo quy định đối với các hành vi vi phạm.

5. Bảo đảm tiến độ, hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện, nhất là chương trình xóa đói giảm nghèo, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, giảm tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí 12 triệu đồng/người/năm xuống còn 29,03% và giải quyết việc làm cho 8.000 người mỗi năm.

Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: tiếp tục có chính sách hỗ trợ lãi suất bằng không để xây dựng nhà vệ sinh và hầm biogas trong chăn nuôi. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch 98%, hộ có nhà vệ sinh hợp chuẩn 95%, hộ xử lý chất thải trong chăn nuôi 65% góp phần thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Hỗ trợ vốn theo quy định và vận động nhân dân thực hiện xây nhà vệ sinh và hệ thống xử lý nước thải trong chăn nuôi.

Dân số và kế hoạch hóa gia đình: đến năm 2010 dân số huyện dự kiến 381.000 người trong 87.000 hộ, trong đó có 83.000 hộ sống ở nông thôn.

Phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm: tăng cường y tế dự phòng và hoạt động của trạm y tế xã, đưa tỷ lệ 10 bác sỹ trên 10.000 dân, phát triển 60 phòng mạch tư và 1 phòng khám đa khoa tư để xã hội hóa công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân. Có chính sách đào tạo và thu hút cán bộ ngành y. Đẩy mạnh xã hội hóa việc đầu tư xây dựng các điểm sinh hoạt văn hóa góp phần cải thiện đời sống vật chất và văn hóa cho cư dân nông thôn. Hoàn thành 3 trung tâm văn hóa và 3 xã đạt tiêu chuẩn xã văn hóa. Đến năm 2010 xây dựng 10/42 trường mẫu giáo đạt chuẩn; 5/37 trường tiểu học đạt chuẩn; 5/24 trường trung học cơ sở đạt chuẩn về cơ sở vật chất. Có 3 xã đạt danh hiệu xã văn hóa, 60% công sở đạt tiêu chuẩn công sở văn minh, 70% trường học đạt tiêu chuẩn môi trường xanh. 60% nông dân nắm bắt được các tiến bộ kỹ thuật của ngành nghề sản xuất.

6. Tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình hành động của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa X về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu

của tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; củng cố bộ máy quản lý nhà nước về nông nghiệp huyện.

IV. KIẾN NGHỊ

1. Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp nhất là hoàn tất cho 120 công trình phục vụ chuyển đổi và phòng, chống lụt, bão trên địa bàn huyện trong năm 2009, hình thành khu nhà vườn kết hợp du lịch sinh thái 1.050ha ven sông Sài Gòn, thực hiện mở rộng dự án khu nông nghiệp công nghệ cao tại huyện Củ Chi và đầu tư khu triển lãm rau - hoa 23,6ha ở xã Phước Vĩnh An.

2. Sớm chỉ đạo triển khai đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi bờ hữu ven sông Sài Gòn 31km/54km kết hợp giao thông nội đồng trên địa bàn huyện Củ Chi hoàn tất trong năm 2012 tạo điều kiện phát triển nhanh khu du lịch sinh thái ven sông. Kinh phí đầu tư 650 tỷ đồng, phần còn lại 23km tiếp tục đầu tư đến năm 2020.

3. Nhà nước có chính sách bình ổn giá vật tư nguyên nhiên liệu và sản phẩm nông nghiệp, điều tiết cung cầu trên thị trường. Đề nghị hỗ trợ vốn đầu tư mua sắm trang thiết bị cơ giới hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp từ 40 - 50% giá trị thiết bị.

4. Thành phố phối hợp với các tỉnh có nguồn nông sản tiêu thụ tại thành phố thành lập một trung tâm thông tin điều tiết sản xuất, qua đó các đơn vị sản xuất đăng ký số lượng, chủng loại cây trồng, vật nuôi, ngày bắt đầu sản xuất, giống, từ đó trung tâm dự tính nhu cầu thị trường và phản hồi đến người sản xuất nhằm góp phần cân đối cung, cầu hàng nông sản dẫn đến bình ổn giá và góp phần cải thiện đời sống nông dân và phát triển nông nghiệp, nông thôn.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các phòng, ban, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn hướng dẫn, kiểm tra việc học tập, quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam đến 2020 và Chương trình hành động của Thành ủy, Huyện ủy trong đảng viên, cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên và nhân dân; tuyên truyền nâng cao nhận thức và hoạt động của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp, tổ chức, đoàn thể và nhân dân trong việc tham gia thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa, quốc phòng, an ninh trong giai đoạn mới, phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế của huyện.

2. Trên cơ sở quán triệt các nghị quyết Trung ương, Thành ủy và kế hoạch thực hiện của Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị, Chủ tịch Ủy

ban nhân dân các xã, thị trấn chỉ đạo xây dựng chương trình cụ thể thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Hội nghị Ban chấp hành lần thứ 7 (khóa X) theo chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, địa phương, đồng thời phối hợp tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện, định kỳ báo cáo về Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện.

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện chịu trách nhiệm điều phối, bảo đảm việc triển khai thực hiện thống nhất Kế hoạch này, định kỳ tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Trong quá trình triển khai, nếu cần thiết bổ sung, điều chỉnh, các phòng, ban, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chủ động phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Minh Tấn

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản
Điện thoại: 38.233.686
Fax: (84.8) 38.233.694
Email: ttcb@tphcm.gov.vn
Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng